

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 887 /QĐ-GDĐT

Cần Giờ, ngày 17 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi NSNN các đơn vị hành chính sự nghiệp huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính - sự nghiệp huyện năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 3464/TB-TCKH ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về kết quả thẩm tra phân bổ dự toán thu - chi NSNN ngành giáo dục năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ cụ thể như sau:

Bổ sung tăng nguồn cải cách tiền lương (mã nguồn 14 – NQ04) khối Mầm non: 6.987.000.000 đồng

Bổ sung tăng nguồn cải cách tiền lương (mã nguồn 14 – NQ04): 13.773.000.000 đồng

Bổ sung tăng nguồn cải cách tiền lương (mã nguồn 14 – NQ04) khối Trung học cơ sở: 8.195.000.000 đồng

Bổ sung tăng nguồn cải cách tiền lương (mã nguồn 14 – NQ04) KHối giáo dục khác: 573.000.000 đồng

Tổng cộng : 29.528.000.000 đồng

(Hai mươi chín tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng).

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi NSNN năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Cần Giờ;
- Kho bạc nhà nước Cần Giờ;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG

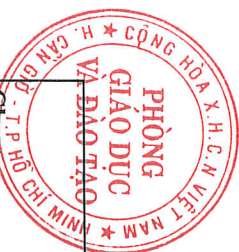
Võ Thị Diễm Phượng

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 887 /QĐ-GDDT ngày 17/11/2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

on vị tính: đôn



PHẦN CHI DO NSNN CẤP										GHI CHÚ
Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSDNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ			
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14 - bổ sung dự toán NQ04	Cộng	Mã nguồn 12		
622.070.071	1035487	Trường Mầm non Thanh An	311.000.000	311.000.000		311.000.000	0	0		
622.070.071	1035515	Trường Mầm non Cần thành	1.293.000.000	1.293.000.000		1.293.000.000	0	0		
622.070.071	1035513	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	504.000.000	504.000.000		504.000.000	0	0		
622.070.071	1035437	Trường Mầm non Long Hòa	584.000.000	584.000.000		584.000.000	0	0		
622.070.071	1124815	Trường Mầm non Đồng Tranh	369.000.000	369.000.000		369.000.000	0	0		
622.070.071	1110159	Trường Mầm non Dơi lâu	535.000.000	535.000.000		535.000.000	0	0		
622.070.071	1035489	Trường Mầm non Lý Nhơn	421.000.000	421.000.000		421.000.000	0	0		
622.070.071	1036948	Trường Mầm non An Thới Đông	496.000.000	496.000.000		496.000.000	0	0		
622.070.071	1035490	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	366.000.000	366.000.000		366.000.000	0	0		
622.070.071	1035510	Trường Mầm non Bình Khánh	1.432.000.000	1.432.000.000		1.432.000.000	0	0		



Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSĐNS	NỘI DUNG	PHẦN CHI DO NSNN CẤP						GHI CHÚ
			Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ		
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14 - bổ sung dự toán NQ04	Cộng	Mã nguồn 12	
622.070.071	1110357	Trường Mầm non Bình an	676.000.000		676.000.000		0	0	
		Cộng 071	6.987.000.000	0	6.987.000.000		0	0	
622.070.072	1036947	Trường Tiểu học Thạnh An	371.000.000		371.000.000		0	0	
622.070.072	1035517	Trường Tiểu học Cần Thạnh	1.192.000.000		1.192.000.000		0	0	
622.070.072	1127076	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	1.054.000.000		1.054.000.000		0	0	
622.070.072	1035485	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	555.000.000		555.000.000		0	0	
622.070.072	1035486	Trường Tiểu học Long Thạnh	790.000.000		790.000.000		0	0	
622.070.072	1035438	Trường Tiểu học Đồng Hòa	711.000.000		711.000.000		0	0	
622.070.072	1035429	Trường Tiểu học Dơi Lầu	753.000.000		753.000.000		0	0	
622.070.072	1035436	Trường Tiểu học Vàm Sát	536.000.000		536.000.000		0	0	
622.070.072	1035491	Trường Tiểu học Lý Nhơn	728.000.000		728.000.000		0	0	
622.070.072	1035564	Trường T. học An Thới Đông	1.321.000.000		1.321.000.000		0	0	

PHẦN CHI DO NSNN CẤP									
Chương, loại, khoản.	Mã BVSDNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ		GHI CHÚ
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14 - bổ sung dự toán NQ04	Cộng	Mã nguồn 12	
622.070.072	1035435	Trường Tiểu học An Nghĩa	665.000.000	665.000.000		665.000.000	0	0	
622.070.072	1035492	Trường T. học Tam Thôn Hiệp	817.000.000	817.000.000		817.000.000	0	0	
622.070.072	1035484	Trường Tiểu học Bình Thạnh	471.000.000	471.000.000		471.000.000	0	0	
622.070.072	1035434	Trường Tiểu học Bình Phước	1.171.000.000	1.171.000.000		1.171.000.000	0	0	
622.070.072	1035519	Trường Tiểu học Bình Khánh	1.861.000.000	1.861.000.000		1.861.000.000	0	0	
622.070.072	1035439	Trường Tiểu học Bình Mỹ	777.000.000	777.000.000		777.000.000	0	0	
622.070.072	1086748	Trường chuyên biệt Cần thành	490.000.000	490.000.000		490.000.000	0	0	
		Cộng 072	14.263.000.000	14.263.000.000	0	14.263.000.000	0	0	
622.070.073	1035431	Trường THCS Cần thành	1.059.000.000	1.059.000.000		1.059.000.000	0	0	
622.070.073	1035518	Trường THCS Long hòa	1.135.000.000	1.135.000.000		1.135.000.000	0	0	
622.070.073	1030029	Trường THCS Dơi lâu	633.000.000	633.000.000		633.000.000	0	0	
622.070.073	1035493	Trường THCS Lý nhon	719.000.000	719.000.000		719.000.000	0	0	



Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSĐNS	NỘI DUNG	PHẦN CHI DO NSNN CẤP						GHI CHÚ
			Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ		
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14 - bổ sung dự toán NQ04	Cộng	Mã nguồn 12	
622.070.073	1035516	Trường THCS An Thới Đông	1.449.000.000			1.449.000.000	0	0	
622.070.073	1035495	Trường THCS Tam thôn hiệp	1.025.000.000			1.025.000.000	0	0	
622.070.073	1035430	Trường THCS Bình Khánh	2.175.000.000			2.175.000.000	0	0	
		Cộng 073	8.195.000.000	0		8.195.000.000	0	0	
622.070.075	1035766	Trường Bồi dưỡng giáo dục	83.000.000			83.000.000	0	0	
		Cộng 075	83.000.000	0		83.000.000	0		
		Tổng cộng	29.528.000.000	0		29.528.000.000	0	0	0

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON THANH AN

Mã số ĐVSDNS: 1035487

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	311.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	311.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	311.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035515

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	1.293.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.293.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.293.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH 2

Mã số ĐVSDNS: 1035513



Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	504.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	504.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	504.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LONG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035437

(Kèm theo quyết định số 887 /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	584.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	584.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	584.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TRANH
Mã số ĐVSDNS: 1124815

(Kèm theo quyết định số 887 /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	369.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	369.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	369.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON ĐOI LẦU**

Mã số ĐVSDNS: 1110159

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	535.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	535.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	535.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035489

Kèm theo quyết định số 887 /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	421.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	421.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	421.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1036948

Kèm theo quyết định số 887 /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	496.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	496.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	496.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035490

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	366.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	366.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	366.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035510

(Kèm theo quyết định số ⁸⁸⁷ /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.432.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.432.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.432.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1110357

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	676.000.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	676.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	676.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH AN
Mã số ĐVSDNS: 1036947

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	371.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	371.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	371.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035517

(Kèm theo quyết định số 883 /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.192.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.192.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.192.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH 2
Mã số ĐVSDNS: 1127076

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.054.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.054.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.054.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035485

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	555.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	555.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	555.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG THÀNH
Mã số ĐVSDNS: 1035486

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	790.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	790.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	790.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035438

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	711.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	711.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	711.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1035429

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	753.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	753.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	753.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM SÁT

Mã số ĐVSDNS: 1035436

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	536.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	536.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	536.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHƠN**

Mã số ĐVSDNS: 1035491

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	728.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	728.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	728.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI ĐÔNG

Mã số ĐVSDNS: 1035564

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.321.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.321.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.321.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NGHĨA
Mã số ĐVSDNS: 1035435

(Kèm theo quyết định số 883/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	665.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	665.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	665.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035492

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	817.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	817.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	817.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035484

(Kèm theo quyết định số **884/QĐ-GDDT** ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	471.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	471.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	471.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH PHƯỚC

Mã số ĐVSDNS: 1035434

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.171.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.171.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.171.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035519

(Kèm theo quyết định số **884** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.861.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.861.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.861.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH MỸ

Mã số ĐVSDNS: 1035439

(Kèm theo quyết định số **887**

/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	777.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	777.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	777.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT CẦN THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1086748

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	490.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	490.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	490.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG THCS CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035431

Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.059.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.059.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.059.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LONG HÒA

Mã số ĐVSDNS: 1035518

(Kèm theo quyết định số 887 /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.135.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.135.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.135.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐOI LẦU

Mã số ĐVSDNS: 1030029

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	633.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	633.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	633.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035493

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	719.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	719.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	719.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG THCS AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035516

(Kèm theo quyết định số **887** QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.449.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.449.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.449.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG THCS TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035495

(Kèm theo quyết định số **887** /QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.025.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.025.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.025.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG THCS BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035430

(Kèm theo quyết định số 887/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	2.175.000.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	2.175.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	2.175.000.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG BỒI DƯỠNG GIÁO DỤC
Mã số ĐVSDNS: 1035766

Kèm theo quyết định số 888/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	83.000.000	
622.070.075	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	83.000.000	Bổ sung tăng NQ04
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	83.000.000	
622.070.075		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

